TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ỨNG HÒA –TP HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS - ST
Ngày: 28-6-2018
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA – TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông ***Bùi Thanh Minh***

Các Hội thẩm nhân dân: Ông ***Đặng Viết Côi*** và ông ***Nguyễn Hạ Tuấn***

- Thư ký phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Duyên*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa tham gia phiên toà: Bà ***Nguyễn Thị Khuyến*** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST- DS ngày 15 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Ông ***Nguyễn Tiến D*** – sinh năm 1958 (có mặt)
Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã P, huyện Ư, TP. Hà Nội.
- Bị đơn : + Ông ***Trịnh Văn Đ*** – sinh năm 1956 (vắng mặt)
+ Bà ***Nguyễn Thị T*** – sinh năm 1963 (vắng mặt)
Đều có nơi HKTT: Thôn Đ3, xã H, huyện Ư, Thành phố Hà Nội.
- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
+ Anh ***Trịnh Ngọc Đ1***– sinh năm 1983 (vắng mặt)
Nơi ĐKHKTT: Thôn Đ3, xã H, huyện Ư, Thành phố Hà Nội.
+ Bà ***Nguyễn Thị Đ2*** – sinh năm 1964 (vắng mặt)
Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã P, huyện Ư, TP. Hà Nội.
(*Bà Đ2 đã có văn bản ủy quyền cho ông D ngày 10/4/2018 – ông D có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai, lời trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa ông Nguyễn Tiến D là nguyên đơn trình bày: Do quen biết nên ngày 02/10/2011 ông có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Trịnh Văn Đ vay 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) số tiền này là tiền tích góp để dưỡng già của ông và bà Nguyễn Thị Đ2 mà có. Số tiền này ông giao tận tay vợ chồng ông Đ, bà T và có Giấy biên

nhận vay tiền. Thời hạn vay là 03 tháng với lãi suất là 2,4%/tháng. Có chữ ký xác nhận của ông Đ, bà T và anh Đ1(con ông Đ).

Sau khi vay tiền, ông Đ bà T đã trả lãi đều đặn cho ông được 06 tháng thì không trả nữa. Sau nhiều lần đến đòi tiền gốc, lãi thì ông Đ, bà T không trả nên ông cũng thỏa thuận là lãi ông không tính chỉ trả ông tiền nợ gốc. Sau nhiều lần đến đòi thì ông Đ, bà T, anh Đ1đã trả được ông 9.000.000đ tiền nợ gốc và còn nợ lại 41.000.000đ. Từ đó đến nay, ông Đ, bà T, anh Đ1không hề thanh toán trả cho ông nốt số tiền còn nợ nên ông đề nghị Tòa giải quyết:

+ Buộc vợ chồng ông Đ, bà T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 41.000.000đ cho ông.

+ Về phần lãi suất ông không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

+ Ông xin rút yêu cầu khởi kiện đối với anh Đ1vì: ông Đ, bà T là người trực tiếp vay và nhận tiền còn chữ ký của anh Trịnh Ngọc Đ1là con trai ông Đ trong Giấy biên nhận vay tiền thể hiện nếu như ông Đ, bà T không trả thì anh Đ1sẽ có trách nhiệm trả thay bố mẹ và chữ ký này có sau khi ngày ông Đ, bà T vay tiền.

Tại biên bản lấy lời khai ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T là bị đơn trình bày: do quen biết nên ông D có đem tiền đến cửa hàng kinh doanh vàng bạc của vợ chồng ông bà gửi (cho vay) 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); thời hạn vay là 03 tháng; lãi suất là là 2,4%/tháng. Để đảm bảo nên hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền. Sau khi ký kết, ông bà có thanh toán được cho ông D 06 tháng tiền lãi, xong do làm ăn thua lỗ nên ông bà đã không thanh toán gốc lãi cho ông D. Nhiều lần ông D đến đòi tiền nhưng vì không có nên ông bà cũng trao đổi để ông D lấy tài sản nhưng ông D không đồng ý và hai bên có thỏa thuận không trả lãi mà chỉ trả gốc cứ 03 tháng sẽ trả 2.000.000đ. Khi ông bà trả được 9.000.000đ tiền gốc thì không thấy ông D đến lấy tiền nữa mà có đơn đến Tòa. Ông bà thừa nhận hiện còn nợ ông D 41.000.000đ và đề nghị ông D tạo điều kiện cho gia đình trả dần và ông bà cũng không yêu cầu tính lại khoản tiền lãi mà trước đây ông bà đã trả cho ông D nếu ông D không đồng ý thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai anh Trịnh Ngọc Đ1là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Anh có biết bố mẹ anh là ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T vay tiền của ông Nguyễn Tiến D nhưng anh không phải là người vay. Do bố mẹ anh làm ăn thua lỗ nên không trả được tiền theo đúng hạn cho ông D nên ông D đã nhiều lần đến nhà anh đòi tiền. Vì không muốn làm ầm ĩ nên có lần anh trả nợ thay cho bố mẹ anh 2.000.000đ cho ông D và ký nhận. Chữ ký trong Giấy biên nhận không phải là chữ ký thể hiện anh vay tiền của ông D mà ký nhận về việc trả nợ thay cho bố mẹ anh một lần với số tiền 2.000.000đ. Nay ông D có đơn khởi kiện bố mẹ anh và anh, anh có ý kiến: anh không vay tiền của ông D nên anh không có trách nhiệm phải trả nợ cho ông D; việc vay tiền giữa bố mẹ anh và ông D đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật; đối với số tiền 2.000.000đ anh trả thay cho bố mẹ anh là tự nguyện nên anh không có yêu cầu đề nghị gì.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Đ2 là người có quyền lợi nghĩa vụ

*liên quan trình bày:*Số tiền 50.000.000đ ông D cho gia đình ông Đ, bà T vay là tiền tích góp của hai vợ chồng bà để sau này dưỡng già. Bà đồng ý quan điểm của ông D đề nghị Tòa giải quyết buộc vợ chồng ông Đ, bà T phải có trách nhiệm thay toàn trả số tiền 41.000.000đ cho ông D.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Đ, bà T, anh Đ1vắng mặt; ông D và bà Đ2 (ủy quyền cho ông D) có mặt và giữ nguyên ý kiến. Ông D không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến D đối với anh Trịnh Ngọc Điệp; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông Nguyễn Tiến D số tiền 41.000.000đ, ông Đ, bà T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ□ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015 thì vụ án Dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện anh Trịnh Ngọc Đ1vì ông cho rằng: trong giấy biên nhận vay tiền có chữ ký của anh Trịnh Ngọc Đ1là con trai của ông Đ, xong ông chỉ đưa tiền trực tiếp cho vợ chồng ông Đ, bà T vay, chữ ký của anh Đ1là sau này anh Đ1mới ký. Vì vậy, việc ông rút yêu cầu khởi kiện anh Trịnh Ngọc Đ1được Tòa chấp nhận là phù hợp với Điều 244 BLTTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp về việc kiểm tra, giao nhận, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập ông Trịnh Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, anh Trịnh Ngọc Đ1đến Toà án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Đ, bà T và anh Đ1không có mặt. Hội đồng xét xử đã mở phiên toà ngày 15/6/2018 nhưng do sự vắng mặt của ông Đ, bà T và anh Đ1nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà, tại phiên toà hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ, bà T và anh Đ1vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều khai thống nhất. Xem xét hợp đồng vay tiền do đương

sự xuất trình thấy: Do quen biết nên ngày 02/10/2011, ông Nguyễn Tiến D cho vợ chồng ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), đến nay đã trả được 9.000.000đ (Chín triệu đồng), số tiền còn nợ lại 41.000.000đ (Bốn mươi mốt triệu đồng), phía bị đơn cũng thừa nhận số nợ nói trên. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến D buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải thanh toán số nợ là 41.000.000đ cho ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị Đ2 là phù hợp Điều 274, Điều 280 Bộ luật dân sự 2015.

Về lãi suất: Theo bản hợp đồng vay tài sản ngày 02/11/2011 do nguyên đơn xuất trình , bị đơn cũng thừa nhận là các bên thỏa thuận ký kết thì thời hạn vay là 3 tháng và lãi suất là 2,4%/tháng. Đồng thời các bên đều thừa nhận đã thanh toán cho nhau 06 tháng tiền lãi sau đó vì kinh tế khó khăn nên bị đơn không thanh toán thêm bất kỳ số tiền lãi nào cho nguyên đơn. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu đề nghị bị đơn thanh toán trả tiền lãi, về phía bị đơn cũng không yêu cầu Toà án xem xét lại khoản lãi đã trả đối với ông D nên Tòa không đặt ra để xem xét.

Đối với anh Trịnh Ngọc Đ1thừa nhận có ký vào giấy biên nhận vay tiền nhưng đó là chữ ký thể hiện việc anh tự nguyện trả ông D 2.000.000đ thay cho bố mẹ anh, anh không vay tiền của ông D, anh không liên quan gì đến việc vay tiền của bố mẹ anh và ông D. Đối với số tiền anh tự nguyện trả thay cho bố mẹ anh nên anh không có yêu cầu đề nghị gì. Hơn nữa ông D cũng rút yêu cầu buộc anh Đ1phải liên đới cùng bà T, ông Đ thanh toán trả ông số tiền nói trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 146; Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch, được tính bằng 5% trên số tiền 41.000.000đ, cụ thể số tiền phải chịu là: 2.050.000đ (Hai triệu không trăm lăm mươi nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Tiến D không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.025.000đ (Một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lại số 0008594 ngày 09/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của BLTTDS năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; khoản 1 Điều 474; Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 274; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với anh Trịnh Ngọc Điệp.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Buộc ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Tiến D và bà Nguyễn Thị Đ2 số tiền nợ gốc là: 41.000.000đ (Bốn mươi mốt triệu đồng).

4. Về án phí: Ông Trịnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị T phải nộp: 2.050.000đ (Hai triệu không trăm lăm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tiến D 1.025.000đ (Một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại số 0008594 ngày 09/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Bùi Thanh Minh

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Ứng Hoà;
- Chi cục THADS Ứng Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.